



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực
Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận đăng ký
doanh nghiệp số**

0101264520

ngày 12 tháng 7 năm 2017

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0101264520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 6 năm 2002. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101264520 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khóa	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Khoa	Thành viên
Ông Khuất Quang Mậu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Lê	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Minh Trung	Trưởng ban
Ông Hồ Quang Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Thành viên
Ông Trần Tấn Nhật	Thành viên (<i>từ ngày 21 tháng 4 năm 2017</i>)
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên (<i>đến ngày 21 tháng 4 năm 2017</i>)
Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Tầng 3 – CT1 – 583 Nguyễn Trãi,
Phường Văn Quán, Quận Hà Đông,
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty, lần lượt được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán và kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 13 tháng 3 năm 2017 và báo cáo soát xét ngày 22 tháng 8 năm 2016.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-096-1-SX



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		219.658.856.489	149.706.165.831
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	55.931.278.783	57.890.769.225
Tiền	111		1.411.903.784	1.623.736.522
Các khoản tương đương tiền	112		54.519.374.999	56.267.032.703
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		161.305.232.886	89.106.401.391
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	100.309.959.719	41.340.067.292
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		49.090.039.866	38.554.928.509
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	11.905.233.301	9.211.405.590
Hàng tồn kho	140	12	2.272.091.245	2.317.575.952
Hàng tồn kho	141		2.272.091.245	2.317.575.952
Tài sản ngắn hạn khác	150		150.253.575	391.419.263
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	150.251.325	391.417.013
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.250	2.250
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		2.464.145.098.010	2.554.047.080.740
Tài sản cố định	220		2.457.753.180.068	2.547.492.536.307
Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.454.144.642.166	2.543.849.190.971
<i>Nguyên giá</i>	222		3.355.009.826.101	3.354.083.185.971
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(900.865.183.935)	(810.233.995.000)
Tài sản cố định vô hình	227	14	3.608.537.902	3.643.345.336
<i>Nguyên giá</i>	228		4.160.111.334	4.160.111.334
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(551.573.432)	(516.765.998)
Tài sản dở dang dài hạn	240		207.030.882	133.072.326
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	207.030.882	133.072.326
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.950.000.000	1.950.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9	1.950.000.000	1.950.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		4.234.887.060	4.471.472.107
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	4.234.887.060	4.471.472.107
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.683.803.954.499	2.703.753.246.571

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.552.229.927.046	1.596.054.006.956
Nợ ngắn hạn	310		371.883.730.175	371.042.192.826
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	66.705.702.855	137.871.180.833
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		102.460.000	102.460.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	14.060.388.953	8.583.542.266
Phải trả người lao động	314		1.111.886.479	7.018.744.821
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	4.608.012.456	1.977.748.667
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	20.631.425.723	16.080.433.370
Vay ngắn hạn	320	21(a)	259.976.431.511	196.418.205.638
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	4.687.422.198	2.989.877.231
Nợ dài hạn	330		1.180.346.196.871	1.225.011.814.130
Phải trả nội bộ dài hạn	335	23	23.603.210.717	34.717.000.635
Vay dài hạn	338	21(b)	1.156.742.986.154	1.190.294.813.495
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.131.574.027.453	1.107.699.239.615
Vốn chủ sở hữu	410	24	1.131.574.027.453	1.107.699.239.615
Vốn cổ phần	411	25	1.024.930.980.000	1.024.930.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.024.930.980.000	1.024.930.980.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.963.476.440	2.963.476.440
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.490.730.951	1.490.730.951
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	13.502.533.333	13.502.533.333
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		88.686.306.729	64.811.518.891
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		61.205.915.054	8.823.881.665
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		27.480.391.675	55.987.637.226
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.683.803.954.499	2.703.753.246.571

Ngày 16 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Lê Tuyên Quang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	224.273.804.429	158.242.304.892
Giá vốn hàng bán	11	30	121.786.363.266	110.893.190.831
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		102.487.441.163	47.349.114.061
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	953.905.753	946.124.147
Chi phí tài chính	22	32	57.757.457.203	61.524.215.786
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		57.563.633.703	62.032.623.962
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	11.920.851.904	10.880.478.757
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		33.763.037.809	(24.109.456.335)
Thu nhập khác	31		75.723.543	200.600.000
Chi phí khác	32		132.480.000	132.403.636
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(56.756.457)	68.196.364
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		33.706.281.352	(24.041.259.971)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	6.225.889.677	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		27.480.391.675	(24.041.259.971)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	268	(240)

Ngày 16 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Lê Tuyên Quang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		187.731.292.444	164.586.639.327
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.311.034.260)	(4.154.510.102)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.083.612.189)	(16.105.702.926)
Tiền lãi vay đã trả	04		(55.549.340.087)	(59.599.681.766)
Thuế nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.688.701.409)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		370.026.706	338.785.215
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(47.820.157.343)	(16.322.795.953)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.648.473.862	68.742.733.795
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(92.916.986.450)	(32.818.424.200)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	200.600.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		333.418.547	685.973.672
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(92.583.567.903)	(31.931.850.528)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		112.874.604.170	116.771.511.758
Tiền trả nợ gốc vay	34		(82.868.205.638)	(164.267.784.042)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36		(2.030.723.364)	(2.792.070.539)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		27.975.675.168	(50.288.342.823)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.959.418.873)	(13.477.459.556)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	8	57.890.769.225	51.682.608.595
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(71.569)	(381.829)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	55.931.278.783	38.204.767.210

Ngày 16 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Lê Tuyên Quang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và các đơn vị trực thuộc của Công ty.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty có 3 đơn vị trực thuộc như sau:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy thủy điện Bắc Bình	Bình Thuận	Sản xuất điện năng
Nhà máy thủy điện Khe Bó	Nghệ An	Sản xuất điện năng
Trung tâm tư vấn Thiết kế	Hà Nội	Tư vấn, thiết kế

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 135 nhân viên (1/1/2017: 135 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 đối với việc trích trước nguyên giá của tài sản cố định tạm tăng của Nhà máy Khe Bó và Nhà máy Bắc Bình.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 152.225 triệu VND (1/1/2017: 221.336 triệu VND). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này cơ bản dựa trên khả năng của Công ty trong việc tạo ra dòng tiền trong tương lai đủ để Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty.

(c) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định có thể được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyên	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa đất đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 66 năm và không khấu hao đối với quyền sử dụng đất được Nhà nước giao vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 66 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và quy định như nhau.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước và tình hình khí tượng thủy văn, tính thời vụ của hoạt động kinh doanh thủy điện của Công ty được thể hiện (chia làm mùa khô và mùa mưa) như sau:

- Nhà máy thủy điện Nậm Má có mùa khô từ tháng 11 đến tháng 6 năm sau và mùa mưa từ tháng 7 đến tháng 10 hàng năm.
- Nhà máy thủy điện Khe Bô và Nhà máy thủy điện Bắc Bình có mùa khô từ tháng 10 đến tháng 6 năm sau và mùa mưa từ tháng 7 đến tháng 10 hàng năm.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Công ty không có các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	142.781.422	272.278.469
Tiền gửi ngân hàng	1.269.122.362	1.351.458.053
Các khoản tương đương tiền	54.519.374.999	56.267.032.703
	<hr/>	<hr/>
	55.931.278.783	57.890.769.225

Trong tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 20.000.000.000 VND (1/1/2017: không) đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình – chi nhánh Hà Nội.

9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	30/6/2017			1/1/2017				
				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:											
Công ty Cổ phần Thủy Điện Cẩm Sơn	Lạng Sơn	195.000	9,58%	1.950.000.000	-	(*)	195.000	9,83%	1.950.000.000	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Mua bán Điện	99.240.564.894	39.491.480.439
Các khách hàng khác	1.069.394.825	1.848.586.853
	100.309.959.719	41.340.067.292

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Mua bán Điện	99.240.564.894	39.491.480.439
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	235.693.671	1.019.303.452
	99.476.258.565	40.510.783.891

Khoản phải thu thương mại từ khách hàng là bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 ngày kể từ ngày bên mua nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác của bên bán.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	5.438.529.064	3.467.105.093
Tạm ứng cho Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Tương Dương thực hiện Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó	4.472.363.000	4.472.363.000
Tạm ứng cho nhân viên	1.301.660.290	695.160.000
Phải thu về lãi tiền gửi	151.031.422	103.836.210
Các khoản phải thu khác	541.649.525	472.941.287
	11.905.233.301	9.211.405.590

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	221.767.736	-	239.685.585	-
Công cụ và dụng cụ	229.263.969	-	258.116.827	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.821.059.540	-	1.819.773.540	-
- Dự án Sông Bạc	636.606.492	-	636.606.492	-
- Chi phí tư vấn thiết kế cho Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó	1.184.453.048	-	1.183.167.048	-
	2.272.091.245	-	2.317.575.952	-

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.661.594.508.907	1.682.616.144.632	9.314.574.213	557.958.219	3.354.083.185.971
Tăng trong kỳ	-	-	926.640.130	-	926.640.130
Số dư cuối kỳ	1.661.594.508.907	1.682.616.144.632	10.241.214.343	557.958.219	3.355.009.826.101
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	335.978.677.824	468.581.587.385	5.207.560.100	466.169.691	810.233.995.000
Khấu hao trong kỳ	38.163.625.386	51.954.298.484	484.899.447	28.365.618	90.631.188.935
Số dư cuối kỳ	374.142.303.210	520.535.885.869	5.692.459.547	494.535.309	900.865.183.935
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.325.615.831.083	1.214.034.557.247	4.107.014.113	91.788.528	2.543.849.190.971
Số dư cuối kỳ	1.287.452.205.697	1.162.080.258.763	4.548.754.796	63.422.910	2.454.144.642.166

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 11.038.273.300 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 10.186.637.155 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 98.490.765 VND (1/1/2017: 98.490.765 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.444.209.040.458 VND (1/1/2017: 2.533.836.076.793 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	3.857.548.229	210.748.515	91.814.590	4.160.111.334
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	334.891.474	90.059.934	91.814.590	516.765.998
Khấu hao trong kỳ	23.920.818	10.886.616	-	34.807.434
Số dư cuối kỳ	358.812.292	100.946.550	91.814.590	551.573.432
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	3.522.656.755	120.688.581	-	3.643.345.336
Số dư cuối kỳ	3.498.735.937	109.801.965	-	3.608.537.902

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 91.814.590 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 91.814.590 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 3.498.735.937 VND (1/1/2017: 3.522.656.755 VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	133.072.326	15.550.343.334
Tăng trong kỳ	73.958.556	5.057.656.106
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(20.287.665.114)
Số dư cuối kỳ	207.030.882	320.334.326

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự án Thủy điện Sông Luồng	93.042.826	93.042.826
Công trình khác	113.988.056	40.029.500
	207.030.882	133.072.326

16. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	34.774.871	22.715.908
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	115.476.454	368.701.105
	150.251.325	391.417.013

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ và	Chi phí trả trước	Tổng cộng
	trả trước	dụng cụ	dài hạn khác	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	928.571.920	120.440.560	3.422.459.627	4.471.472.107
Tăng trong kỳ	-	24.536.364	6.272.640	30.809.004
Phân bổ trong kỳ	(10.111.490)	(53.774.473)	(203.508.088)	(267.394.051)
Số dư cuối kỳ	918.460.430	91.202.451	3.225.224.179	4.234.887.060

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Liên danh YMEC-ZHEFU-EEMC	16.726.934.446	16.756.318.609
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực	10.437.529.475	13.473.187.656
Tổng Công ty 36	8.892.130.691	68.320.850.976
Các nhà cung cấp khác	30.649.108.243	39.320.823.592
	<hr/>	<hr/>
	66.705.702.855	137.871.180.833
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	306.496.589	15.923.305.245	(13.395.645.207)	(1.551.722.922)	1.282.433.705
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.152.657.772	6.225.889.677	(1.688.701.409)	-	5.689.846.040
Thuế thu nhập cá nhân	891.526.701	614.211.653	(1.348.915.686)	-	156.822.668
Thuế tài nguyên	3.401.298.524	18.685.802.396	(17.785.922.440)	-	4.301.178.480
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	25.855.232	(25.855.232)	-	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.831.562.680	4.608.060.960	(4.809.515.580)	-	2.630.108.060
	8.583.542.266	46.089.125.163	(39.060.555.554)	(1.551.722.922)	14.060.388.953

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.284.127.306	269.833.690
Chi phí thường vận hành an toàn điện	1.757.924.443	1.371.547.350
Các khoản trích trước khác	565.960.707	336.367.627
	<hr/>	<hr/>
	4.608.012.456	1.977.748.667
	<hr/>	<hr/>

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	43.163.234	34.560.266
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	-	1.972.974
Cổ tức phải trả	12.779.738.517	14.810.461.881
Phải trả tiền thuế giá trị gia tăng tạm tính	6.505.529.741	-
Tiền ứng vốn tạm thời do Hội đồng di dân, tái định cư		
Huyện Tương Dương trả hộ cho Dự án Nhà máy		
Thủy điện Khe Bố	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả, phải nộp khác	302.994.231	233.438.249
	<hr/>	<hr/>
	20.631.425.723	16.080.433.370
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	13.318.205.638	20.876.431.511	(13.318.205.638)	20.876.431.511
Vay dài hạn đến hạn trả ((b))	183.100.000.000	125.550.000.000	(69.550.000.000)	239.100.000.000
	196.418.205.638	146.426.431.511	(82.868.205.638)	259.976.431.511

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh	VND	7,00% - 9,00%	16.313.431.511	13.318.205.638
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội	VND	8,08%	4.563.000.000	-
			20.876.431.511	13.318.205.638

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 10.405.917.950 VND (1/1/2017: 10.525.532.858 VND) (Thuyết minh 13) và tiền gửi ngân hàng có giá trị ghi sổ là 20.000.000.000 VND (1/1/2017: không) (Thuyết minh 8).

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (*)	VND	6,90% - 10,50%	2020	1.001.466.301.476	1.049.466.301.476
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	VND	9,48% - 9,50%	2025	217.200.000.000	223.200.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội				93.018.314.030	100.728.512.019
<i>Hợp đồng số 93 - 21.08.15/HĐTD/TPBANK.THN</i>	VND	9,48% - 9,50%	2025	42.807.391.725	44.807.391.725
<i>Hợp đồng số 155 - 26.11.15/HĐTD/TPBANK.THN</i>	VND	9,48% - 9,50%	2020	50.210.922.305	55.921.120.294
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh (*)	VND	9,20% - 9,54%	2027	84.158.370.648	-
				1.395.842.986.154	1.373.394.813.495
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(239.100.000.000)	(183.100.000.000)
				1.156.742.986.154	1.190.294.813.495

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và vô hình có giá trị còn lại là 2.437.301.858.445 VND (1/1/2017: 2.526.833.200.690 VND) (Thuyết minh 13 và 14).

(*) Đây là các khoản vay có lãi suất cố định theo từng lần giải ngân.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.989.877.231	7.516.521.993
Trích lập trong kỳ	3.605.603.837	1.301.344.131
Tăng khác trong kỳ	-	8.000.000
Sử dụng trong kỳ	(1.908.058.870)	(3.481.582.599)
Số dư cuối kỳ	4.687.422.198	5.344.283.525

23. Phải trả nội bộ dài hạn

Đây là khoản trích trước Nguyên giá tài sản cố định tạm tăng của Nhà máy Thủy điện Khe Bó từ năm 2013 và tài sản cố định tạm tăng của Nhà máy thủy điện Bắc Bình từ năm 2016. Việc hạch toán và theo dõi trên khoản mục này được thực hiện theo công văn số 12227/BCT-CDKT ngày 3/9/2015 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sẽ được tất toán khi Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó và tài sản cố định của Nhà máy thủy điện Bắc Bình quyết toán chính thức.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	999.966.710.000	27.927.746.440	1.454.930.951	12.670.770.579	60.991.124.050	1.103.011.282.020
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(24.041.259.971)	(24.041.259.971)
Trích lập vào các quỹ	-	-	-	867.562.754	(867.562.754)	-
Trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.301.344.131)	(1.301.344.131)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển mua tài sản cố định	-	-	35.800.000	(35.800.000)	-	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	999.966.710.000	27.927.746.440	1.490.730.951	13.502.533.333	34.780.957.194	1.077.668.677.918
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.024.930.980.000	2.963.476.440	1.490.730.951	13.502.533.333	64.811.518.891	1.107.699.239.615
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	27.480.391.675	27.480.391.675
Trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.605.603.837)	(3.605.603.837)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.024.930.980.000	2.963.476.440	1.490.730.951	13.502.533.333	88.686.306.729	1.131.574.027.453

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	102.493.098	1.024.930.980.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	102.493.098	1.024.930.980.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	102.493.098	1.024.930.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 61.205.915.054 VND từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa có thông báo chính thức về thời điểm chốt quyền cổ đông và thời gian chi trả cổ tức đối với khoản phân phối cổ tức này.

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 49.998.335.500 VND từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa có thông báo chính thức về thời điểm chốt quyền cổ đông và thời gian chi trả cổ tức đối với khoản phân phối cổ tức này. Công ty đã chi trả khoản cổ tức này từ tháng 10 năm 2016.

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.384	54.138.221	2.386	54.379.621

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm		
▪ Nhà máy thủy điện Nậm Má	4.616.781.111	4.639.569.108
▪ Nhà máy thủy điện Bắc Bình	62.709.787.937	16.107.280.266
▪ Nhà máy thủy điện Khe Bô	156.947.235.381	137.495.455.518
	224.273.804.429	158.242.304.892

30. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán		
▪ Nhà máy thủy điện Nậm Má	2.118.957.734	2.509.011.354
▪ Nhà máy thủy điện Bắc Bình	30.232.844.123	24.203.715.264
▪ Nhà máy thủy điện Khe Bô	89.434.561.409	84.180.464.213
	121.786.363.266	110.893.190.831

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	821.229.151	753.320.720
Cổ tức được chia	97.500.000	68.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	35.176.602	124.553.427
	<hr/>	<hr/>
	953.905.753	946.124.147
	<hr/>	<hr/>

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	57.563.633.703	62.032.623.962
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(750.597.372)
Chi phí tài chính khác	193.823.500	242.189.196
	<hr/>	<hr/>
	57.757.457.203	61.524.215.786
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	315.456.099	319.571.270
Chi phí nhân viên	6.630.961.818	6.590.443.984
Chi phí công cụ, dụng cụ và đồ dùng	59.262.420	447.907.807
Chi phí khấu hao tài sản cố định	916.973.203	605.176.906
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	95.052.361	50.340.000
Thuế, phí và lệ phí	41.660.727	33.680.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	545.747.788	585.633.001
Chi phí khác bằng tiền	3.315.737.488	2.247.724.876
	<hr/>	<hr/>
	11.920.851.904	10.880.478.757
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	423.121.511	431.412.964
Chi phí nhân viên	11.406.834.776	11.048.744.928
Chi phí công cụ, dụng cụ và đồ dùng	101.363.743	695.315.183
Chi phí khấu hao tài sản cố định	90.589.709.097	90.544.154.002
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	602.630.285	399.750.539
Thuế, phí và lệ phí	23.343.619.083	13.777.842.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.325.687.064	2.232.277.551
Chi phí khác	4.915.535.611	2.645.259.924

35. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	6.225.889.677	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	33.706.281.352	(24.041.259.971)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.741.256.270	(4.808.251.994)
Ưu đãi thuế	(523.198.593)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	27.332.000	46.106.727
Thu nhập không bị tính thuế	(19.500.000)	(13.650.000)
Lỗ tính thuế không được sử dụng	-	4.775.795.267
	6.225.889.677	-

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Nhà máy thủy điện Bắc Bình

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập, Nhà máy thủy điện Bắc Bình có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các quy định hiện hành về thuế thu nhập cho phép Nhà máy được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2016). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

Nhà máy thủy điện Khe Bó

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập, Nhà máy thủy điện Khe Bó có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các quy định hiện hành về thuế thu nhập cho phép Nhà máy được miễn thuế thu nhập trong năm 2015 và 2016 và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2017 đến năm 2023). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

36. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phần bỏ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	27.480.391.675	(24.041.259.971)
Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	27.480.391.675	(24.041.259.971)

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6	102.493.098	99.996.671

37. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	55.788.497.361	57.618.490.756
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	112.215.193.020	50.551.472.882
		<hr/>	<hr/>
		168.003.690.381	108.169.963.638

(i) *Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền*

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) *Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác*

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng giám đốc Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, tạm ứng, và phải thu về lãi tiền gửi tại ngân hàng.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Tổng Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: không).

(c) *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	87.337.128.578	87.337.128.578	87.337.128.578	-	-	-
Vay ngắn hạn	20.876.431.511	21.101.881.705	21.101.881.705	-	-	-
Vay dài hạn	1.395.842.986.154	1.681.316.636.041	340.069.025.916	407.482.452.304	784.164.153.891	149.601.003.930
Chi phí phải trả	4.608.012.456	4.608.012.456	4.608.012.456	-	-	-
	1.508.664.558.699	1.794.363.658.780	453.116.048.655	407.482.452.304	784.164.153.891	149.601.003.930
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	153.951.614.203	153.951.614.203	153.951.614.203	-	-	-
Vay ngắn hạn	13.318.205.638	13.789.253.770	13.789.253.770	-	-	-
Vay dài hạn	1.373.394.813.495	1.627.654.481.934	230.274.266.740	377.782.672.613	872.480.730.585	147.116.811.996
Chi phí phải trả	1.977.748.667	1.977.748.667	1.977.748.667	-	-	-
	1.542.642.382.003	1.797.373.098.574	399.992.883.380	377.782.672.613	872.480.730.585	147.116.811.996

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuận chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.384	2.386
Phải trả người bán	(995.605)	(995.605)
	<hr/>	<hr/>
	(993.221)	(993.219)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2017	1/1/2017
1 USD/VND	22.735	22.770
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận kế toán trước thuế VND
30/6/2017	
USD (mạnh thêm 3% so với đồng VND)	(677.426.383)
1/1/2017	
USD (mạnh thêm 3% so với đồng VND)	(678.467.899)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	55.788.497.361	57.618.490.756
Vay ngắn hạn	(20.876.431.511)	(13.318.205.638)
Vay dài hạn	(1.085.624.672.124)	(1.049.466.301.476)
	(1.050.712.606.274)	(1.005.166.016.358)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Vay dài hạn	(310.218.314.030)	(323.928.512.019)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 3.102.183.140 VND lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty (1/1/2017: 3.239.285.120 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	55.931.278.783	(*)	57.890.769.225	(*)
▪ Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	112.215.193.020	(*)	50.551.472.882	(*)
<i>Được phân loại là công cụ tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
▪ Đầu tư tài chính dài hạn	1.950.000.000	(*)	1.950.000.000	(*)
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(87.337.128.578)	(*)	(153.951.614.203)	(*)
▪ Vay ngắn hạn	(20.876.431.511)	(*)	(13.318.205.638)	(*)
▪ Vay dài hạn	(1.395.842.986.154)	(*)	(1.373.394.813.495)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(4.608.012.456)	(*)	(1.977.748.667)	(*)
	<u>(1.338.568.086.896)</u>		<u>(1.432.250.139.896)</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Các công ty liên quan		
Công ty Mua bán Điện		
Doanh thu bán hàng	219.657.023.318	153.602.735.784
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc		
Doanh thu bán hàng	4.593.188.124	4.628.601.622
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	1.351.281.397	1.378.888.803

Ngày 16 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Lê Tuyền Quang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam giải trình biến động lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

- Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2017: 33.706.281.352 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2016: -24.041.259.971 đồng.

Nguyên nhân chủ yếu:

Lợi nhuận kế toán trước thuế 6 tháng đầu năm 2017 tăng 240% so với 6 tháng đầu năm 2016 chủ yếu là do: Lượng nước về các hồ thủy điện trong 6 tháng đầu năm nay nhiều hơn so với cùng kỳ năm trước, sản lượng điện sản xuất của các Nhà máy tăng lên, dẫn đến Doanh thu về SXKD điện tăng cao, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận kỳ này tăng lên. Một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016	Chênh lệch	
			Tăng/giảm	Tỷ lệ
Doanh thu thuần	224.273.804.429	158.242.304.892	66.031.499.537	42%
Giá vốn hàng bán	121.786.363.266	110.893.190.831	10.893.172.435	10%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.487.441.163	47.349.114.061	55.138.327.102	116%
Doanh thu hoạt động tài chính	953.905.753	946.124.147	7.781.606	1%
Chi phí tài chính	57.757.457.203	61.524.215.786	(3.766.758.583)	-6%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.920.851.904	10.880.478.757	1.040.373.147	10%
Lợi nhuận khác	(56.756.457)	68.196.364	(124.952.821)	-183%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	33.706.281.352	(24.041.259.971)	57.747.541.323	240%

Công ty xin giải trình số liệu với Quý cơ quan và Quý cổ đông.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên:

- Lưu: VT, TCKT, VPHDQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 909 /CV-VNPD
V/v: CBTT BCTC bán niên 2017

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 3 – CT 1 – 583 Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04.22131580

Fax: 04.35527987

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Tùng

Địa chỉ: Nhà B1 – CO3 Splendor, KĐT Bắc An Khánh, An Khánh, Hoài Đức, Tp Hà Nội.


Điện thoại: DD: 0912.099.375 – CQ: 04.22131580

Fax: 04.35527987

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ (công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Công ty xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: 
- Như kính gửi;
- Lưu VT, VP, HĐQT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ
THÔNG TIN



Nguyễn Thanh Tùng